

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2018

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vi Thanh Hà**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thương**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Kiều** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc: “***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn***”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã T, TP U, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, TP U, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02 tháng 11 năm 2017, biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 01 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi đăng ký kết hôn chị và anh Trương Văn Đ đã về chung sống với nhau như vợ chồng được một thời gian dài và sinh được hai con là Trương Văn A và Trương Văn B. Đến ngày 29 tháng 4 năm 2012 cả hai tự

nguyên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau khiến không khí gia đình căng thẳng, nặng nề, hơn nữa anh Điệp đã nhiều lần đánh chị. Những mâu thuẫn trên đã được gia đình khuyên can, địa phương hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chị Lý Thị T và anh Trương Văn Đ có 02 con chung là Trương Văn A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Trương Văn B, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2010. Cả hai con chung đang ở với anh Trương Văn Đ. Nếu được ly hôn, chị T đề nghị giao cả hai con chung cho anh Trương Văn Đ trực tiếp nuôi, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con chung là 500.000đồng/tháng, hai con chung là 1.000.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lý Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Văn Đ trình bày nội dung giống như chị T đã trình bày như trên. Về quan hệ hôn nhân, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ đề nghị nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung là 500.000đồng/tháng, hai con chung là 1.000.000đồng/tháng đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Trương Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Trương Văn Đ tại địa phương, xác định được nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn đã được chính quyền hoà giải nhưng không thành, cả hai đã sống ly thân đã hơn 3 năm và chị T không còn sống chung với anh Đ nữa.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của hai con chung của chị Lý Thị T và anh Trương Văn Đ, cháu Trương Văn A và Trương Văn B có nguyện vọng nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu được ly hôn thì cháu muốn ở với anh Trương Văn Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên anh Đ vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành pháp luật đầy đủ, bị đơn chấp hành pháp luật chưa đầy đủ.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, thấy có đủ căn cứ khẳng định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Thúy và anh Điệp đã trầm trọng, hôn nhân không thể tồn tại kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu

ly hôn của chị T đối với anh Đ và giao cả hai con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 500.000đồng/con chung, hai con chung là 1.000.000đồng đến năm cả hai con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị Lý Thị T và anh Trương Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí vì cả hai đương sự đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Uông Bí, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là có cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định tại: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Văn Đ đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trước khi đăng ký kết hôn chị Lý Thị T và anh Trương Văn Đ đã về chung sống với nhau như vợ chồng được một thời gian dài và sinh được hai con là Trương Văn A và Trương Văn B. Đến ngày 29 tháng 4 năm 2012 cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên can, địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể tồn tại kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, cả hai đương sự đều có quan điểm giao con chung Trương Văn A và Trương Văn B cho anh Trương Văn Đ trực tiếp nuôi, chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 500.000đồng/tháng/con chung, hai con chung là 1.000.000đồng đến năm cả hai con chung đủ 18 tuổi, quan điểm của các đương sự cũng phù hợp với nguyện vọng của cả hai con chung nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh Trương Văn Đ trực tiếp nuôi và chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền nêu trên là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Cả hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị T phải nộp theo quy định.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Lý Thị Thuý.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T được ly hôn anh Trương Văn Đ.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung Trương Văn A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Trương Văn B, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2010 cho anh Trương Văn Đ trực tiếp nuôi kể từ tháng 3/2018 cho đến khi con chung Trương Văn A và Trương Văn B đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trương Văn A và Trương Văn B với số tiền cho mỗi người con chung là 500.000đồng/tháng (Năm trăm nghìn đồng một tháng). Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2018 đến khi con chung Trương Văn A, Trương Văn B đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị Lý Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (Chị T được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0000209 ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Lý Thị T, báo cho chị Lý Thị T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 13 tháng 3 năm 2018. Vắng mặt bị đơn anh Trương Văn Đ, báo cho anh Trương Văn Đ biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- UBND xã T, TP U, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà